TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN D** **TỈNH KHÁNH HÒA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 14 -6-2019
V/v: Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN D

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Ẩn
Các Hội thẩm nhân dân: Bà Huỳnh Thị Oanh
Ông Phạm Hùng Cường

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Tuyết Sương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện D - Khánh Hòa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện D tham gia phiên tòa: Ông Hồ Hữu Nghĩa - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 6 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện D xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 50/2019/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 4 năm 2019 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 5 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ông Dương Kỳ V - sinh năm 1986
Địa chỉ: Tổ dân phố P, thị trấn D, huyện D, Khánh Hòa.
Địa chỉ liên lạc: Thôn P, xã Phước Đ, thành phố N, Khánh Hòa.
Ông V có mặt.
- *Bị đơn*: Bà Trần Thị Minh H - sinh năm 1986
Địa chỉ: Tổ dân phố P, thị trấn D, huyện D, Khánh Hòa.
Bà H có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện đề ngày 28/3/2019 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Dương Kỳ V trình bày: Ông và bà Trần Thị Minh H tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2009 và đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân thị trấn D vào năm 2012. Thời gian đầu chung sống với nhau hạnh phúc, nhưng về sau ngày càng không hợp nhau, mâu thuẫn, xích mích làm tổn thương lẫn nhau, nguyên nhân do tiền bạc và chuyện ăn uống trong gia đình không thống nhất được với nhau. Từ năm 2014 vợ chồng ông đã mâu thuẫn trầm trọng, thường xuyên cãi nhau, đến năm 2018 thì ông ra ngoài sinh sống chấm dứt quan hệ vợ chồng với bà H cho tới nay. Nay ông nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống hôn

nhân không có hạnh phúc, không thể hàn gắng để xây dựng hạnh phúc gia đình nên ông yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà H. Về con chung: Ông V giao con chung Dương Trần Khánh T, sinh ngày 28/4/2009 cho bà H nuôi dưỡng, ông cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.000.000 đồng; thời gian bắt đầu cấp dưỡng từ tháng 6/2019 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Về tài sản chung: Ông V và bà H không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung: Ông V xác định giữa ông và bà H không có nợ chung.

- Tại bản tự khai ngày 04/4/2019, bị đơn bà Trần Thị Minh H trình bày: Về thời gian và địa điểm đăng ký kết hôn của vợ chồng đúng như nguyên đơn trình bày. Tuy nhiên, trong quá trình chung sống vợ chồng không có mâu thuẫn gì lớn nhưng ông V đi làm không đưa tiền để bà lo cho cuộc sống gia đình, còn gây nợ nần nên thỉnh thoảng vợ chồng có cãi nhau, vì con cái nên bà bỏ qua cho ông V nhiều lần. Tuy nhiên hơn một năm qua ông V bỏ nhà đi và quan hệ với người phụ nữ khác, không về nhà thăm con, không liên lạc gì với bà cho tới khi gởi đơn xin ly hôn tại Tòa. Nay bà không đồng ý ly hôn với ông V vì còn tình cảm yêu thương với ông V và không muốn con cái thiếu tình cảm của cha mẹ, nếu ông V quay về thì bà vẫn đồng ý tha thứ. Về con chung: Trường hợp ly hôn, bà H có nguyện vọng nuôi con chung Dương Trần Khánh T sinh ngày 28/4/2009, yêu cầu ông V cấp dưỡng nuôi con chung 2.000.000đ/tháng. Về tài sản chung: Bà và ông V không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa giải quyết. Về nợ chung: Không có.

- Tại phiên tòa, nguyên đơn ông Dương Kỳ V vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn đối với bà Trần Thị Minh H; giao con chung Dương Trần Khánh T, sinh năm 2009 cho bà H nuôi, cấp dưỡng nuôi con chung 1.000.000đ/tháng, bắt đầu từ tháng 6/2019 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Bị đơn bà H không đồng ý ly hôn; trường hợp ly hôn bà có nguyện vọng nuôi con chung Dương Trần Khánh T, sinh năm 2009, không yêu cầu ông V cấp dưỡng nuôi con chung.

- Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân huyện D: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và đương sự đã tuân thủ đúng quy định pháp luật tố tụng. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Dương Kỳ V. Về án phí: Ông Dương Kỳ V phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Dương Kỳ V và bà Trần Thị Minh H tự nguyện chung sống và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn D và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 06/2012 ngày 16/01/2012; đây là hôn nhân hợp pháp.

Hội đồng xét xử nhận thấy: Trong thời gian chung sống, giữa ông Dương Kỳ Vvà bà Trần Thị Minh H đã xảy ra mâu thuẫn kéo dài, từ năm 2018 đến nay ông V không còn sống chung với bà H mỗi người tự lo cuộc sống của mình, không còn quan tâm, chăm sóc nhau. Như vậy, cho thấy tình cảm giữa ông V và bà H thực sự không còn, quan hệ hôn nhân giữa ông V và bà H đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên xét yêu cầu khởi kiện ly hôn của ông Dương Kỳ V đối với bà Trần Thị Minh H là có cơ sở để chấp nhận.

[2] Về con chung: Ông Dương Kỳ V và bà Trần Thị Minh H có một con chung là Dương Trần Khánh T, sinh ngày 28/4/2009. Ông V và bà H đều thống nhất giao con chung cho bà H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; ông V cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.000.000 đồng, thời gian bắt đầu cấp dưỡng từ tháng 6/2019 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

[3] Về tài sản chung và nợ chung: Ông V và bà H xác định không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí: Ông V phải nộp án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 51; Điều 56; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Điều 147; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTUQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Ông Dương Kỳ V được ly hôn với bà Trần Thị Minh H.

2. Về con chung: Giao con chung Dương Trần Khánh T, sinh ngày 28/4/2009 cho bà Trần Thị Minh H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Ông Dương Kỳ V cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.000.000 đồng, thời gian bắt đầu cấp dưỡng từ tháng 6/2019 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Ông V có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Trong quá trình nuôi con chung, ông V và bà H đều có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con chung cũng như việc cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về án phí: Ông Dương Kỳ V phải nộp 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* tạm ứng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm mà ông V đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2016/0002568 ngày 01 tháng 4 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện D nên ông V đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Ông V nộp 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm đối với người có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

<u>Quy định</u>: Kể từ khi bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã Ký)

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND huyện D;
- Chi cục THA dân sự huyện D;
- UBND thị trấn D (Nơi đăng ký kết hôn);
- Các đương sự;
- Lưu: Án văn, hồ sơ vụ án.

Bùi Thị Ẫn